

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Kim Cửa

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

- Thư ký phiên họp: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 13/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020,

Toà án nhân dân huyện B đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị N, sinh năm 1954,

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*:

1. Phạm Việt P, sinh năm 1977,

2. Nguyễn Thị Trúc P1, sinh năm 1981,

Cùng địa chỉ: ấp T1, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tại đơn kháng cáo ngày 26 tháng 3 năm 2020, bị đơn anh Phạm Việt P và chị Nguyễn Thị Trúc P1 không đồng ý Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 13/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét giải quyết đơn phản tố của anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu: Bà Trần Thị N khởi kiện dựa vào chứng cứ là giấy tay mua bán đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 02/12/2016 có công chứng tại Văn phòng công chứng B. Theo đó, bà N

chuyển nhượng cho anh Phạm Việt P phần đất diện tích 632,5 m² thuộc một phần thửa 603 và một phần thửa 604, cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre với giá 210.000.000 đồng. Anh P đã trả 180.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Anh P nhận đất canh tác, làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/02/2017. Do đó, bà N khởi kiện anh P cùng vợ là chị P1 yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, liên đới trả cho bà N số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 10/3/2020 bà N rút đơn khởi kiện. Ngày 11/3/2020, anh P và chị P1 nộp đơn phản tố, yêu cầu bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/5/2017. Theo “tờ thỏa thuận về việc mua bán đất” lập ngày 08/5/2017 thể hiện bà N có bán cho anh P diện tích 243 m² thuộc thửa 420, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre với giá 60.000.000 đồng, anh P trả 40.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 02/12/2016 và “tờ thỏa thuận về việc mua bán đất” lập ngày 08/5/2017 có nội dung hoàn toàn khác nhau, thời điểm lập hợp đồng, diện tích và thửa đất hoàn toàn độc lập với nhau. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, yêu cầu của ông Phong và chị P1 không phải là yêu cầu phản tố nên bà N rút đơn khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp, kháng cáo của anh P và chị P1 là không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị căn cứ khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh P và chị P1, giữ nguyên quyết định đình chỉ số 13/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

XÉT THẤY:

Theo đơn kháng cáo của anh Phạm Việt P và chị Nguyễn Thị Trúc P1, anh chị cho rằng ngày 09/3/2020 anh chị có đơn phản tố và nộp tại Tòa án nên anh chị không đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện B đình chỉ vụ án do bà N rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, đơn phản tố của anh P và chị P1 đề ngày 09/3/2020 và nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 11/3/2020. Ngày 10/3/2020, nguyên đơn bà Trần Thị N đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện và ngày 12/3/2020 Tòa án nhân dân huyện B ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Đơn phản tố của anh P và chị P1 yêu cầu bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/5/2017. Theo “tờ thỏa thuận về việc mua bán đất” lập ngày 08/5/2017 thể hiện bà N có bán cho anh P diện tích 243 m² thuộc thửa 420, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre với giá 60.000.000 đồng, anh P trả 40.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện của bà N, bà N khởi kiện anh P cùng vợ là chị P1 yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 02/12/2016 có công chứng tại Văn phòng Công chứng B, liên đới trả cho bà N số tiền 30.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đang trong giai đoạn xem xét yêu cầu của anh P và chị P1 có phải là yêu cầu phản tố hay không do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 02/12/2016 và “tờ thỏa thuận về việc mua bán đất” lập ngày 08/5/2017 có nội dung hoàn toàn khác nhau, thời điểm lập hợp đồng, diện tích và thửa đất hoàn toàn độc lập với nhau. Tòa án chưa thụ lý yêu cầu phản tố của anh chị, nên

ngày 12/3/2020 Tòa án nhân dân huyện B ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do bà N có đơn rút yêu cầu khởi kiện là đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, anh P và chị P1 kháng cáo yêu cầu giải quyết đơn phản tố của anh chị là không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm, do đó kháng cáo của anh P, chị P1 không có cơ sở để chấp nhận, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 13/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng phúc thẩm nên chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận anh P và chị P1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Việt P và chị Nguyễn Thị Trúc P1.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 13/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Việt P và chị Nguyễn Thị Trúc P1 phải liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010694 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Kim Cua